

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08-02-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Yến Lan

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hanni B; sinh năm 1951; cư trú tại: Paris, France (Pháp); địa chỉ tạm trú: Khách sạn A, đường P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quý A; sinh năm 1957; cư trú tại: Đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Chức vụ: Cán bộ biên phiên dịch tiếng Pháp - Trung tâm phục vụ đối ngoại Đà Nẵng - Sở Ngoại vụ thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hanni B, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Vào tháng 4 năm 2007, khi bà đến Thành phố Hồ Chí Minh thì gặp gỡ và quen biết rồi bắt đầu có tình cảm với ông Trần Quý A là nhân viên lễ tân khách sạn S nơi bà thuê trú (địa chỉ đường P, quận ..., Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi trở lại Việt Nam ở lần tiếp theo thì bà tiếp tục đến gặp ông A và được ông A đưa ra thăm gia đình của ông A ở thành phố Đà Nẵng và bà đã gặp 02 con gái ông A; khi trở lại Thành phố Hồ Chí Minh thì ông A cầu hôn bà nhưng bà từ chối và giải thích với ông A rằng: *“Chúng tôi không nên kết hôn, vì cả hai đều đã có gia đình, nên không cần thiết phải kết hôn”*. Trong thời gian ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng toàn bộ tiền ăn uống, chi phí đi lại, thăm quan du lịch đều do bà chi trả cho ông A; từ tháng 7 năm 2007 khi bà đã trở lại Pháp nhưng bà vẫn chuyển tiền cho ông A khi ông hỏi xin với nhiều lý do khác nhau. Khi ông A thông báo đang nằm viện điều trị bệnh tim thì bà đã rất lo lắng và sắp xếp xin nghỉ phép bay sang Việt Nam thăm và thanh toán toàn bộ tiền viện phí; cũng như chi phí cho con gái ông A bay từ Đà Nẵng vào thăm bố.

+ Do ông A không có Bảo hiểm y tế hay Bảo hiểm nhân thọ nên không có điều kiện chữa bệnh tim; trong khi đó thì bà lại có bảo hiểm bên Pháp và theo chế độ bảo hiểm của bà thì người thân cũng sẽ được hưởng chế độ bảo hiểm như người mua. Khi tham vấn ý kiến bác sỹ thì ông A sẽ sống khi được điều trị tốt, nên lúc này bà đã đồng ý kết hôn với ông A để cho ông A được hưởng chế độ bảo hiểm của bà tại Pháp. Sau đó, ông A thông báo là đã ly hôn vợ từ ngày 10-10-2007, nên bà và ông A đã tiến hành các thủ tục để đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng vào ngày 22-9-2009.

+ Sau đó, thì bà trở lại Pháp và từ tháng 10/2007 về sau bà đều đặn gửi tiền mỗi tháng từ 100 hoặc 200 Euro để ông A có tiền chi tiêu hàng ngày, cộng với thuốc men điều trị bệnh. Tuy nhiên, về sau thì ông A càng yêu cầu bà chi trả nhiều khoản tiền hơn cho cả 02 con gái và vợ cũ của ông A vẫn cùng chung sống là bà Lê Thị Kim L.

+ Nay bà nhận thấy mục đích ban đầu của bà đồng ý kết hôn với ông A là để giúp cho ông A chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm của bà ở Pháp, nhưng ông A đã không dừng lại ở đó mà tiếp tục lợi dụng để trục lợi về tài chính từ bà. Mặt khác, từ khi đăng ký kết hôn đến nay thì giữa bà với ông A chưa bao giờ sống chung một mái nhà, không có con chung, không có tài sản chung; cũng như từ tháng 8/2012 đến nay, bà với ông A ông nhắn tin, gọi điện, gặp gỡ nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà yêu cầu Tòa án chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà với ông A.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông A không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quý A không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Hanni B, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hanni B đối với ông Trần Quý A.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Hanni B; có quốc tịch Pháp; cư trú tại Paris, France (Pháp) và bị đơn ông Trần Quý A, có quốc tịch Việt Nam; địa chỉ cư trú tại Đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án tiến hành cấp tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn ông Trần Quý A tại địa chỉ Đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam là nơi ông A cư trú, nhưng sau đó ông A không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi cho Tòa án; cũng như trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông A vẫn không đến Tòa để tham gia tố tụng giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hanni B.

[3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ thứ hai nhưng bị đơn ông A vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông A, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn bà Hanni B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt vì lý do phải trở về Pháp, nên Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Trần Quý A của bà Hanni B thì thấy, ông bà kết hôn nhưng không có cuộc sống chung và trên thực tế thì mỗi người sống mỗi nơi, nên về tình nghĩa vợ chồng như quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình là không thực hiện được; mặt khác, theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông A cư trú thì hiện tại ông A đang sống cùng bà Lê Thị Kim Liên cùng 03 người con và địa phương không có thông tin về bà Hanni B có quan hệ vợ chồng với ông A. Do đó, tình trạng hôn nhân của bà Hanni B và ông A là trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông A của bà Hanni B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Bà Hanni B và ông Trần Quý A không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Hanni B phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hanni B đối với ông Trần Quý A,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hanni B được ly hôn với ông Trần Quý A.

2. Về án phí: Bà Hanni B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005095 ngày 01-11-2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà Hanni B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hanni B không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Trần Quý A không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam